TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/*DS - ST*
Ngày: 07/*9/2017*
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Y
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh H
2. Bà Phạm Thị N

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc B, thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H *tham gia phiên toà:* Ông Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST – DS, ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Chi L, sinh năm 1984
Địa chỉ: (không có số nhà) thuộc ấp 2, xã Long Điền Đ, huyện H, tỉnh B
Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1975
Địa chỉ: (không có số nhà) thuộc ấp 2, xã Long Điền Đ, huyện H, tỉnh B.
(Anh L, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, anh Phạm Chi L trình bày:

Vào thời gian nào anh không nhớ rõ, anh có cho anh Phạm Văn T vay số tiền 10.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả và cũng không có làm giấy tờ gì. Anh T có đóng lãi cho anh nhưng bao nhiêu thì anh cũng không nhớ. Do thời gian vay đã lâu, anh T không đóng lãi cho anh đầy đủ nên ngày 11/5/2017 anh yêu cầu anh T làm cho anh biên nhận nợ, thừa nhận vay của anh số tiền 25.000.000đ, nhưng thực chất số tiền vốn vay chỉ có 10.000.000đ, còn lại 15.000.000đ là tiền lãi kê thành vốn. Nay anh yêu cầu anh T giao trả cho anh tổng số tiền 25.000.000đ, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Anh Phạm Văn T trình bày: vào tháng 5/2013 anh có vay của anh Phạm Chi L số tiền 10.000.000đ. Khi vay không có làm giấy tờ gì, cũng không thỏa thuận thời

hạn trả. Hai bên thỏa thuận lãi suất tháng đầu tiên là 5%, tháng thứ 2 là 6% và tháng thứ 3 là 7%. Anh đã đóng lãi cho anh L số tiền khoảng 12.000.000đ. Nay anh yêu cầu tính lại số tiền lãi anh đã đóng cho anh L. Anh xác định khi anh đóng lãi cho anh L thì không có làm giấy tờ gì và cũng không ai chứng kiến. Đến ngày 11/5/2017 anh L yêu cầu anh ký tên vào biên nhận nợ là có nợ anh L số tiền 25.000.000đ, nhưng thực chất số tiền vốn vay chỉ có 10.000.000đ, còn lại số tiền 15.000.000đ là tiền lãi anh L kê thành vốn. Nay anh chỉ đồng ý giao trả cho anh L số tiền vốn vay là 10.000.000đ, tiền lãi anh yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Chi L đối với anh Phạm Văn T.

Buộc anh Phạm Văn T có nghĩa vụ giao trả cho anh Phạm Chi L số tiền 13.825.000đ (Mười ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Phạm Chi L và anh Phạm Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Hợp đồng vay tài sản", bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã Long Điền Đ, huyện H, tỉnh B, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Anh Phạm Chi L là nguyên đơn và anh Phạm văn T là bị đơn trong vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về nội dung: Anh L khởi kiện yêu cầu anh T giao trả số tiền vay là 25.000.000đ (trong đó vốn vay là 10.000.000đ, lãi là 15.000.000đ). Anh T thừa nhận vào tháng 5/2013 có vay tiền của anh L số tiền 10.000.000đ. Tuy nhiên, do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho anh L nên phát sinh tranh chấp. Nay anh L yêu cầu anh T giao trả số tiền vốn vay 10.000.000đ, anh T đồng ý giao trả. Căn cứ vào khoản

2 Điều 92 công nhận đây là sự thật nên cần buộc anh T có trách nhiệm giao trả cho anh L số tiền vốn vay 10.000.000đ là có căn cứ pháp luật.

Đối với số tiền 15.000.000đ anh L yêu cầu anh T có trách nhiệm giao trả. HĐXX xét thấy, số tiền 15.000.000đ là tiền lãi được kê thành vốn, cả anh L và anh T đều thống nhất thừa nhận. Do đó, anh L yêu cầu anh T có trách nhiệm giao trả là không có căn cứ.

Anh T có yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh L xác định không nhớ rõ thời gian vay cụ thể, anh T xác định là vào tháng 5/2013 nên cần chấp nhận theo sự thừa nhận của anh T, cụ thể số tiền lãi anh T phải trả cho anh L:

Số tiền 10.000.000đ x 0.75% x 51 tháng = 3.825.000đ.

Anh T xác định đã đóng lãi cho anh L số tiền 12.000.000đ nhưng anh không có gì chứng minh cho lời trình bày của anh. Mặt khác anh L không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh.

Tổng số tiền anh T phải trả cho anh L: 10.000.000đ + 3.825.000đ = 13.825.000đ.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Anh Phạm Văn T phải chịu đối với số tiền phải trả cho L cụ thể: 13.825.000đ x 5% = 691.000đ. Anh phạm Chi L phải chịu phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận số tiền: 11.175.000đ x 5 = 558.500đ, số tiền 625.000đ anh L đã dự nộp theo biên lai thu số 0006544, ngày 03/7/2017 được khấu trừ, anh L được nhận lại số tiền 66.500đ Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Chi L đối với anh Phạm Văn T.

Buộc anh Phạm Văn T có nghĩa vụ giao trả cho anh Phạm Chi L số tiền 13.825.000đ (Mười ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Chi L yêu cầu anh Phạm Văn T giao trả số tiền 11.175.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Phạm Văn T phải chịu số tiền 691.000đ. Anh phạm Chi L phải chịu phải chịu số tiền 558.500đ, số tiền 625.000đ anh L đã dự nộp theo biên lai thu số 0006544, ngày 03/7/2017 được khấu trừ, anh L

được nhận lại số tiền 66.500đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết công khai nơi anh, chị cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Y